

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HS-ST**

Ngày: 11.02.2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Danh L, sinh năm 1996;

Nơi sinh: huyện Th, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 2/12; dân tộc khomer; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam;

Con ông Danh S, sinh năm 1964 và bà Thị D, sinh năm 1964;

Vợ: không; con: không;

Tiền sự không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2021 cho đến nay (có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:* không

* *Người bào chữa cho bị cáo Danh L:* Ông Trần Duy Khoa - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử.

* *Bị hại:* Ông **Lê Minh Ch**, sinh năm 1976 Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không

* *Người làm chứng:* 1/ Danh S, sinh năm 1964 vắng

2/ Thị M, sinh năm 1993 vắng

Đồng cư trú: Ấp V, xã H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 10/12/2020, Danh L điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042 đi từ nhà ở ấp V, xã H, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, đến nhà của Trương Văn N ở ấp B, xã H, huyện U M T, để rủ N tổ chức uống rượu. Khi đến nơi, thấy N không có ở nhà nên Danh L điều khiển xe quay về. Trên đường đi về đến cầu kênh Rọc Năng thuộc ấp A, xã H, huyện U M T, thì Danh L phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, mang biển kiểm soát 68E1-062.92 của ông Lê Minh Ch đang đỗ cặp bờ lộ, không có người trông giữ, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. L mới đỗ chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042 gần đó rồi lên lút đi đến điều khiển chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 chạy đi, bỏ lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lê Minh Ch phát hiện chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 của mình đã bị mất, gần đó có chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042 không rõ là của ai nên đã trình báo sự việc đến Công an xã H.

Sau khi lấy trộm chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92, Danh L đã điều khiển chiếc xe trên đi đến nhà trọ của cha là Danh S và chị là Thị M đang thuê ở tại xã Y, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nhà trọ là khoảng 03 giờ ngày 11/12/2020. L dẫn chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 vào nhà trọ cất giữ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, con gái ông S tên là Thị Kim Đ gọi điện thoại nói cho ông S biết là L đi về quê đã lấy trộm xe của người ta và hỏi ông S là L có để xe

ở đó không, rồi kêu ông S đem trả lại cho người ta. Ông S và Thị M mới hỏi L chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 từ đâu mà có thì L thừa nhận vừa lấy trộm dưới quê mang lên. Sau đó, ông S và Thị M gọi điện thoại liên hệ với ông Lê Minh Ch hứa sẽ gửi trả lại chiếc xe cho ông Ch. Đến ngày 13/12/2020, Thị M gửi chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 qua dịch vụ vận chuyển của xe khách về cho ông Ch. Đến khoảng 04 giờ ngày 14/12/2020, ông Ch đi đến cầu T, xã VH, huyện U M T, nhận lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68E1-062.92 do Thị M gửi về. Sau đó, ông Ch đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện U M T kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu bạc – đen, mang biển kiểm soát 68E1-062.92, tại thời điểm tháng 12/2020 có giá trị là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã thu giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042.

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, mang biển kiểm soát 68E1-062.92.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSUMT ngày 06/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Danh L phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh L từ 06 đến 09 tháng tù.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế.

Về biện pháp tư pháp: Ngày 25/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả lại cho bị hại Lê Minh Ch: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, mang biển kiểm soát 68E1-062.92

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Danh L: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Minh Ch đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, mang biển kiểm soát 68E1-062.92 và không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa:

Ý kiến Trợ giúp viên Trần Duy Khoa bào chữa cho bị cáo Danh L thống nhất với vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, trình độ học vấn thấp, là người dân tộc khomer, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án N với thời gian đã tạm giam.

Bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố. Bị cáo không ý kiến bổ sung và không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa:.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào ngày 09/12/2020, Danh L lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S mang biển kiểm soát 68E1-062.92 của ông Lê Minh Ch, với trị giá tài sản bị xâm hại là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án tổng giá trị tài sản bị cáo L chiếm đoạt trị giá là 7.000.000 đồng; đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Danh L phạm tội “Trộm

cấp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo lợi dụng sơ hở, xe của bị hại để chìa khóa cắm sẵn trong ổ khóa, bị hại không cảnh giác, tài sản không người trông giữ, bị cáo lén lút lấy trộm xe mô tô của bị hại Ch, mục đích bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự tham lam, lười lao động của bị cáo. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo tương xứng với tính chất và hậu quả hành vi phạm tội, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Danh L không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ nghèo, trình độ học vấn thấp, là người dân tộc khơmer, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, Hội đồng xét xử thông nhất áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Ý kiến Trợ giúp viên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án bằng thời gian tạm giam là quá nhẹ, chưa đủ sức giáo dục, răn đe bị cáo.

Bị cáo L xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[6] Về các vấn đề khác: Do bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Danh L: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị hại Lê Minh Ch: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, mang biển kiểm soát 68E1-062.92.

Ngày 25/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả chiếc xe trên cho bị hại Ch xong.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Lê Minh Ch đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố: Bị cáo Danh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Danh L 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2021.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo Danh L: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 36K7-8042, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Lê Minh Ch đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, các Điều 6, 23 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Danh L phải án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện U M T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện U M T;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

Nguyễn Tấn Lợi